TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-PT
Ngày 22 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Phi Yến
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Tuấn
  Ông Ngô Hà Nam

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Pham Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Đãi Em - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 05/2020/TLPT- HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo Trần Thị Kiều T và Nguyễn Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Trần Thị Kiều T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2002 tại tỉnh N;

Nơi ĐKNKTT: xã N, huyện N, tỉnh A; Chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thọ H sinh năm 1965 và bà Lê Thị P sinh năm 1979; Có 01 con sinh ngày 22/8/2016; Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân: Ngày16/7/2019, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 26/6/2019.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1998 tại thành phố Đ;

Nơi ĐKNKTT: tổ 26, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn U sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị C sinh năm 1965; Tiền án: không;

Tiền sự:

- Ngày 05/10/2016, bị Uỷ ban nhân dân phường V, quận T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Ngày 15/8/2017, bị Uỷ ban nhân dân phường V, quận T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nhân thân:

- Ngày 23/11/2015, bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 111/HSST.

- Ngày 16/7/2019, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an TP Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 27/6/2019.

- *Các bị cáo không có kháng cáo:* Lê Văn N, Trần Thanh L.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Thị Kiều T:* Ông Trần Thọ H, sinh năm 1968; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Nơi cư trú: K64/68 đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và bà Lê Thị P, sinh năm 1979; Nghề nghiệp: buôn bán; Nơi cư trú: Đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (*là cha mẹ ruột của bị cáo*).

(Ông H và bà P có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Thị Kiều T có ông Chế Giang S, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 26/6/2019, Trần Thị Kiều T rủ Nguyễn Văn H cùng nhau góp tiền mua ma túy (H góp 300.000 đồng và T góp 400.000 đồng). T bấm điện thoại có số thuê bao 0905.064.110 của T rồi đưa cho H liên lạc với một đối tượng tên C (chưa xác định lai lịch) hỏi mua 1gam ma túy với giá 1.400.000 đồng. Sau đó, Hoàng mượn xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển kiểm soát) của một người bạn để chở T đến cầu N, phường H gặp C. Trên đường đi, T nói với H "*mua ma túy về sử dụng còn lại thì bán để kiếm tiền trả nợ*", H im lặng đồng ý. Khi gặp C, H đưa cho C số tiền 700.000 đồng, nợ lại 700.000 đồng. nhận ma túy của C rồi H chở T về lại phòng 202 nhà nghỉ M, đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nơi cả hai đang thuê ở và cùng nhau sử dụng ma túy, đồng thời Trang phân ma túy ra để bán lại cho các đối tượng khác cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 20h ngày 26/6/2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Lê Văn N mượn điện thoại Iphone có số thuê bao 0974075757 của Trần Thanh L liên lạc vào số máy 0905064110 của T để mua ma túy với giá 300.000 đồng (N và L

mỗi người góp 150.000 đồng). Sau đó, N mượn xe mô tô hiệu Exciter BKS 81S1-147.33 chở L đến nhà nghỉ M. Khi đến nơi, cả hai cùng lên tầng 2 gặp T. L đưa cho T 300.000 đồng và nhận gói ma túy. L đưa lại cho N cất giữ rồi điều khiển xe chở N về. Khi cả hai đến ngã tư H thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng bắt giữ cùng tang vật.

Lần 2: Khoảng 20h 30 phút ngày 26/6/2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Lê Văn K và Trần Công H chung tiền mua ma túy về sử dụng. K gọi điện cho Trần Thị Kiều T hỏi mua ma túy. Sau đó, cả hai đến nhà nghỉ M để gặp Tr. K đứng phía trước đợi, còn H đi vào gặp T và mua ma túy với giá 300.000 đồng (K góp 200.000 đồng và H góp 100.000 đồng). Sau khi mua xong, K và H đến nhà nghỉ T thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để sử dụng hết số ma túy. Khi K và H chuẩn bị rời nhà nghỉ thì bị lực lượng Công an mời về làm việc.

Đến khoảng 23h00 ngày 26/6/2019, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Đà Nẵng tiến hành kiểm tra phòng 202 nhà nghỉ M, đường P, phường H, quận L phát hiện 02 gói ma túy và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị Kiều T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra, T khai nhận còn bán ma túy cho Lê Văn N một lần vào đầu tháng 6/2019.

Vật chứng thu giữ:

- Tại Phòng 202: 02 gói ny long, chứa tinh thể màu trắng, đã niêm phong ký hiệu A, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu NOKIA gắn sim 0905064110, 01 điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA gắn sim 0905667182.

- Thu giữ của Lê Văn N và Trần Thanh L: 01 gói ni long có chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu B, 01 điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA gắn sim 0905972013, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc gắn sim 0974075757, 01 xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ trắng biển kiểm soát 81S1-147.33.

Theo Kết luận số 186/GĐ-MT ngày 03/7/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, xác định: Mẫu tinh thể màu trắng trong các gói niêm phong ký hiệu A và B gửi giám định là ma túy loại Methamphetamin, khối lượng tinh thể mẫu A là 0,607 gam, mẫu B là 0,147 gam.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định như sau:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Kiều T, Nguyễn Văn H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy";* Các bị cáo Lê Văn N, Trần Thanh L phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251; Các Điều 91, 101, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kiều T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/6/2019.

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/6/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/6/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/6/2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ chất ma túy còn lại sau khi đã được giám định trong phong 02 bì niêm phong ký hiệu A và B;

- Trả lại cho Trần Thị Kiều T 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen có thẻ sim 09054.667.182. Trả cho Lê Văn N 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen có thẻ sim 0905.972.013.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh có thẻ sim 0905.064.110 của Trần Thị Kiều T; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen có thẻ sim 0974.075.757.

(Tất cả các vật chứng trên được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 17/11/2019).

3. Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 2/3/2020 bị cáo Trần Thị Kiều T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Ngày 4/3/2020 bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Kiều T, Nguyễn Văn H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng tội. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên xử bị cáo T 8 năm tù và bị cáo H 8 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Chế Giang S bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kiều T đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, r khoản 1, 2 Điều 52, đồng thời đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định.

Bị cáo Trần Thị Kiều T và bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Thị Kiều T và Nguyễn Văn H đã khai nhận: Vào trưa ngày 26/6/2019, Trần Thị Kiều T và Nguyễn Văn H cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng và nhiều lần bán lại cho các đối tượng tại phòng 202 nhà nghỉ M, đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Cụ thể: Lần 1: Khoảng 20h00' cùng ngày, T đã bán cho Lê Văn N và Trần Thanh L 01 gói ma túy 0,147 gam với giá 300.000 đồng, N và L mua ma túy với mục đích sử dụng cá nhân thì bị phát hiện, thu giữ và bắt quả tang; Lần 2: Vào lúc 20h30'cùng ngày, T đã bán cho Lê Văn K và Trần Công H 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng, H và K cũng mua ma túy với mục đích sử dụng cá nhân. Đến khoảng 23h00'ngày 26/6/2019, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra phòng 202 nhà nghỉ M, phát hiện 02 gói ma túy khối lượng là 0,607 gam. Như vậy, hành vi của các bị cáo Trần Thị Kiều T, Nguyễn Văn H đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận L truy tố và bị Tòa án nhân dân quận L xét xử là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[2] Các bị cáo T và H đều kháng cáo về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là quá nặng và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ. HĐXX xét thấy: Trong vụ án này bị cáo T là người đã khởi xướng, rủ rê bị cáo H cùng chung tiền để mua ma túy một phần sử dụng còn một phần chia tép nhỏ bán lại cho các con nghiện để kiếm lời. Đối với bị cáo H khi được bị cáo T rủ rê thì bị cáo đồng ý góp tiền cùng bị cáo T mua ma túy về sử dụng và để lại một phần bán kiếm tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo T phạm tuổi ở độ tuổi chưa thành niên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đường lối xử lý đối với người chưa thành niên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, xử phạt với mức án 8 năm tù; đối với bị cáo H Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 8 năm tù, HĐXX xét thấy là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo T, giữ nguyên án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo T, H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kiều T, bị cáo Nguyễn Văn H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điều 91, Điều 101, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kiều T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/6/2019.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/6/2019.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thị Kiều T và bị cáo Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Quận L;
- Công an Quận L;
- Chi cục THADS Quận L;
- Sở Tư Pháp TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TPĐN (PV27);
- Vụ 1 - Tòa án NDTC;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Phi Yến